TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - T phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 04 - 8 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực và ông Nguyễn Thị Việt Hà;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Năng, là Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm 1958; địa chỉ: Bản H, phường H, thành phố Đ, tỉnh B - Có mặt;

Bị đơn: Bà Vũ Thị T; sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh B - Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***1. Tại đơn khởi kiện ngày 08/6/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh H trình bầy*:**

Về hôn nhân: Tôi và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký vào tháng 11 năm 1983 tại Công an thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu cũ. Giấy đăng ký kết hôn tôi đã làm mất, không xin lại được vì thời gian đã lâu, cơ quan đăng ký không còn lưu giữ. Sau khi kết hôn, đối với tôi chưa bao giờ T phúc. Lý do là vì cách sống, quan điểm, tính tình hai người không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Ngoài ra bà T còn nghi ngờ tôi có mối quan hệ bất chính với nhiều người, nhiều lần, mặc dù thực tế tôi không có việc đó. Vì vậy mà gia đình xảy ra lục đục kéo dài nhiều năm. Bà T nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng không nộp cho Tòa án để giải quyết, gây ức chế cho tôi. Tôi và bà T đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân có còn tồn tại cũng chỉ vì con. Cho đến nay tôi thấy

không thể kéo dài tình trạng hôn nhân này, nên xin được ly hôn.

- *Về con*: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Thu M, sinh năm 1984 và Nguyễn Tiến N, sinh năm 1986, hiện tại các con đã trưởng thành, phát triển bình thường và đã lập gia đình riêng, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2020, bị đơn bà Vũ Thị T trình bầy:

- *Về hôn nhân*: Tôi và ông H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào đầu tháng 11 năm 1983 tại Công an thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu cũ. Sau khi kết hôn chúng tôi sống T phúc. Trong quá trình chung sống ông H có nhiều mối quan hệ bất chính, tôi đã khuyên giải nhiều lần nhưng ông H không thay đổi và vì vậy tôi đã nhiều lần viết đơn ly hôn, nhưng do các con còn nhỏ nên tôi không nộp đơn cho Tòa án để giải quyết, mà chỉ để cảnh cáo ông H, mong ông H thay đổi. Nhưng từ đó đến nay ông H vẫn tiếp tục có những mối quan hệ bất chính. Chúng tôi đã sống ly thân khoảng 4 đến 5 năm nay. Tôi vẫn nín nhịn để gìn giữ gia đình vì các con và cũng vì tuổi đã cao. Nay ông H xin ly hôn, tôi không đồng ý vì muốn giữ gia đình cho con cháu; mặc dù tình cảm vợ chồng đã sứt mẻ nhưng chúng tôi vẫn còn trách nhiệm đối với nhau. Trong trường hợp ông H kiên quyết ly hôn thì tôi cũng phải chịu, vì ông H muốn ly hôn thì tôi cũng không giữ được.

- *Về con*: Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Thu M, sinh năm 1984 và Nguyễn Tiến N, sinh năm 1986, hiện tại các con đã trưởng thành, phát triển bình thường và đã lập gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Mạnh H đối với bà Vũ Thị T theo luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn là người cao tuổi, nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 08/6/2020, ông Nguyễn Mạnh H nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà VũThị T, có địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ngày 09/6/2020 ông H nộp tiền tạm ứng án phí và nộp

lại biên lai thu tiền cho Tòa án. Ngày 10/6/2020 Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu Ly hôn của ông H theo Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông H và bà T cùng có địa chỉ cư trú thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; yêu cầu Ly hôn của ông H đối với bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] ***Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn***.

Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1960 tự nguyện kết hôn vào tháng 11/1983 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi kết hôn ông H và bà T đều đã hơn 20 tuổi; cả hai đều mạnh khỏe và phát triển bình thường; chưa ai có vợ hoặc có chồng; không phải là những người cùng dòng máu về trực hệ hoặc cha mẹ nuôi, con nuôi. Như vậy, giữa ông H và bà T không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo các Điều 5, 6, 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 (*có hiệu lực từ ngày 01/01/1960 đến ngày Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực 03/01/1987*). Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 quy định: "*Việc kết hôn phải được Uỷ ban hành chính cơ sở nơi trú quán của bên người con trai hoặc bên người con gái công nhận và ghi vào sổ kết hôn*" mà không quy định việc đăng ký kết hôn, nên mặc dù ông H không còn giấy đăng ký kết hôn để xuất trình, Tòa án vẫn công nhận cuộc hôn nhân giữa ông H, bà T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn ông H và bà T chung sống T phúc và đã có hai con chung. Tuy nhiên vợ chồng vẫn có những mâu thuẫn kéo dài nhiều năm mà không được giải quyết, làm tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Ông H cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, tình tình, lối sống; bà T thì cho rằng ông H có nhiều lần có quan hệ bất chính, bà T đã khuyên giải nhưng ông H vẫn tiếp tục. Ông H xin ly hôn, Tòa án đã tiến hành các buổi hòa giải, nhưng bà T vắng mặt nên không hòa giải được, đồng thời bà T cũng xin vắng mặt tại phiên tòa, tự từ bỏ quyền được trình bầy ý kiến của mình trước Hội đồng xét xử. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa ông H và bà T không còn T phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà T theo Điều 51, Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con, tài sản và nợ: Không có yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Ông H là người cao tuổi, nhưng không xin miễn án phí, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của ông Nguyễn Mạn H; cho ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Vũ Thị T.

2. Về con, tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000115 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*04/8/2020*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		Chủ toạ
Ngô Quang Lực	Nguyễn Thị Việt Hà	Vũ Thị Nhung

Nơi nhận:
- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án**;**
- Văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - T phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2020, tại Phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;
- Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Quang Lực và bà Nguyễn Thị Việt Hà.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 110/2020/TLST -HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc"Ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh H; sinh năm 1958; địa chỉ: Bản Him Lam I, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Bị đơn: Bà Vũ Thị T; sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 598, tổ dân phố 01, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có liên quan;

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn của ông Nguyễn Mạn H; cho ly hôn giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Vũ Thị T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

2. Về con, tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

3. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*04/8/2020*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí

Việc nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút, ngày 04 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Bá Thành Nguyễn Thị Việt Hà Vũ Thị Nhung